

UBND TỈNH HÀ TĨNH
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SNN-KHTC

Hà Tĩnh, ngày tháng 7 năm 2023

Vv báo cáo trả lời nội dung chất vấn
tại Kỳ họp thứ 14, HĐND tỉnh khóa
XVIII

Kính gửi:

- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thực hiện Văn bản số 322/HĐND-TH ngày 06/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn bản số 3502/UBND-TH ngày 07/7/2023 của UBND tỉnh về việc chuẩn bị trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ 14 HĐND tỉnh, khóa XVIII; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo trả lời các nội dung chất vấn liên quan như sau:

Nội dung 1: Việc thực thực hiện Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới thời gian gần đây có phần chững lại, công tác tham mưu bố trí nguồn lực, triển khai cơ chế chính sách, tổ chức kiểm tra, đánh giá và công nhận các xã, huyện đạt chuẩn NTM nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu còn chậm. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh cho biết nguyên nhân và các giải pháp trọng tâm để thực hiện Chương trình đạt mục tiêu, kế hoạch đề ra.

Trả lời:

1. Về việc thực thực hiện Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới thời gian gần đây có phần chững lại:

Nội dung này đã được cử tri quan tâm tại Kỳ họp thứ 11, HĐND tỉnh khóa XVIII. Thời gian vừa qua Ban Chỉ đạo tỉnh, UBND tỉnh tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM với nhiều đổi mới, linh hoạt, đi vào chiều sâu, có trọng tâm, trọng điểm; tập trung cao các xã chưa đạt chuẩn của huyện Hương Khê và các huyện chưa đạt chuẩn; giao trách nhiệm các đơn vị tham gia đỡ đầu, tài trợ đến tận thôn xóm. Kết quả đến nay, 6 tháng đầu năm 2023 các địa phương đã trình đề nghị thẩm định, xét, công nhận 02 đạt chuẩn NTM, 22 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 06 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu; huyện Lộc Hà trình đề nghị thẩm tra, xét, công nhận huyện đạt chuẩn NTM. Ban Chỉ đạo tỉnh đã tổ chức Hội nghị đánh giá giữa kỳ thực hiện Đề án xây dựng tỉnh đạt chuẩn NTM để xem xét đánh giá kết quả, nhất là những khó khăn, hạn chế để có giải pháp, kế hoạch chỉ đạo tổ chức thực hiện trong thời gian tới.

Tuy vậy, những kết quả đạt được so với yêu cầu Đề án tỉnh đạt chuẩn NTM, kế hoạch thực hiện chương trình giai đoạn 2021 - 2025 có những nội dung chững lại, tiến độ chậm như cử tri quan tâm, đó là: Việc hoàn thiện các tiêu chí để trình Trung ương xét công nhận huyện Lộc Hà đạt chuẩn nông thôn mới chậm; mục tiêu số xã đạt chuẩn NTM, nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu và huyện Kỳ Anh đạt chuẩn NTM, thị xã Kỳ Anh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM trong năm 2023 còn nhiều khó khăn, thách thức tiến độ thực hiện các tiêu chí cấp tỉnh chậm. Do một số nguyên nhân chủ yếu như sau:

- Về nguyên nhân khách quan:

+ Hệ thống văn bản hướng dẫn của Trung ương ban hành chậm, trong quá trình triển khai thực hiện gặp nhiều vướng mắc, bất cập nhiều địa phương kiên nghị và Trung ương đã phải điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung; một số chỉ tiêu trong các Bộ tiêu chí xây dựng NTM phải lùi thời gian áp dụng và phải điều chỉnh, sửa đổi.

+ Các Bộ tiêu chí NTM giai đoạn 2022-2025 với nhiều chỉ tiêu, tiêu chí yêu cầu cao hơn giai đoạn trước nên việc nâng cấp, cập nhật để đảm bảo đạt chuẩn theo yêu cầu mới phải cần thời gian và nguồn lực.

+ Vốn Trung ương phân bổ chậm và thấp hơn nhiều giai đoạn trước (bằng 62,2% giai đoạn trước) và theo quy định nguồn vốn của Trung ương chỉ hỗ trợ các xã, huyện chưa đạt chuẩn NTM; các xã, huyện phấn đấu đạt chuẩn NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu giao các tỉnh cân đối từ ngân sách địa phương để thực hiện. Trong khi các nội dung, tiêu chí xã NTM nâng cao cần nhiều nguồn lực để đầu tư nhưng việc huy động nguồn lực của các xã giai đoạn này rất khó khăn.

+ Các xã còn lại chưa đạt chuẩn thuộc huyện Hương Khê tiến độ thực hiện các tiêu chí để đảm bảo đạt chuẩn còn chậm, gặp nhiều khó khăn, khối lượng thực hiện còn nhiều như: Đường giao thông, trường học, cơ sở vật chất văn hóa, nhà ở dân cư, y tế, môi trường và ATTP, khu dân cư mẫu,... trong khi việc huy động nguồn lực rất khó khăn.

+ Huyện Hương Khê và huyện Kỳ Anh phấn đấu đạt chuẩn NTM đều là những địa phương rất khó khăn, khối lượng cần thực hiện còn nhiều và nhu cầu kinh phí lớn, nhất là đường giao thông, cơ sở vật chất văn hóa, nước sạch,...

+ Những nội dung, chỉ tiêu, tiêu chí dễ làm, cần ít nguồn lực các địa phương đã tập trung hoàn thành trước để đảm bảo hoàn thành xã đạt chuẩn NTM; giai đoạn này các xã chuyển sang xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu, thực hiện các nội dung đi vào chiều sâu khó thực hiện hơn và cần phải có thời gian, nguồn lực.

- Về nguyên nhân chủ quan:

+ Hệ thống Văn phòng Điều phối NTM tỉnh, cấp huyện sau kiện toàn gặp một số khó khăn, vướng mắc nên hiệu lực, hiệu quả điều hành, quản lý, tham mưu thực hiện chương trình chưa cao và có biểu hiện chững lại.

+ Một số xã, huyện sau khi được công nhận đạt chuẩn chưa thực sự tập trung cao trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện cập nhật theo bộ tiêu chí mới, chưa tập trung xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; việc huy động xã hội hóa nguồn lực giai đoạn này gặp nhiều khó khăn; việc tham mưu, hướng dẫn, đôn đốc của một số huyện, sở, ngành chưa thường xuyên; các sở, ngành chưa tập trung cao tham mưu, tổ chức triển khai thực hiện các tiêu chí cấp tỉnh và các dự án trọng điểm theo Đề án tỉnh đạt chuẩn.

2. Về công tác tham mưu bố trí nguồn lực, triển khai cơ chế chính sách, tổ chức kiểm tra, đánh giá và công nhận các xã, huyện đạt chuẩn NTM nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu chậm:

- Về công tác tham mưu bố trí nguồn lực, triển khai cơ chế chính sách:

Thời gian qua các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh đã chủ động phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu triển khai thực hiện, tuy nhiên việc phân bổ vốn, triển khai các cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình còn chậm do một số nguyên nhân chủ yếu sau:

+ Nguyên nhân khách quan: Các văn bản quy định, hướng dẫn tổ chức thực hiện Chương trình Trung ương ban hành chậm, đến 28/5/2022 Trung ương mới giao

kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 và vốn năm 2022 cho các địa phương; các Văn bản triển khai, cơ chế chính sách thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới của trung ương, tinh hầu hết được ban hành từ năm 2022, năm 2023; trong đó yêu cầu địa phương phải quy định cụ thể hóa nhiều nội dung, dẫn đến khó khăn trong việc áp dụng các căn cứ triển khai phân bổ kế hoạch vốn; ngày 13/3/2023 Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn mới ban hành hướng dẫn triển khai kế hoạch vốn NSTW năm 2023, tuy nhiên việc phân bổ vốn thực hiện các chương trình phải chờ sau khi Trung ương phê duyệt các mô hình điểm của Trung ương chỉ đạo (hiện nay Chương trình chuyên đề môi trường Trung ương chưa phê duyệt danh mục mô hình).

+ Nguyên nhân chủ quan:

Nguồn vốn thực hiện Chương trình nông thôn mới bao gồm nhiều nội dung thành phần, phân bổ cùng với vốn các Chương trình MTQG khác, liên quan đến nhiều đơn vị, sở, ngành địa phương nên ảnh hưởng đến tiến độ rà soát, tổng hợp, tham mưu phân bổ.

Năm 2022 là năm đầu thực hiện cơ chế, chính sách nông thôn mới, việc tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện ở một số địa phương còn hạn chế; việc nghiệm thu, phê duyệt hồ trợ còn lúng túng nên dẫn đến tổng hợp đề xuất cấp tỉnh thẩm định kết quả, cấp kinh phí cho các đối tượng chưa kịp thời; đồng thời gian đoạn vừa qua thực hiện việc kiện toàn bộ máy giúp việc thực hiện Chương trình nông thôn mới cấp tỉnh, huyện ảnh hưởng đến hiệu quả công tác chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình trong đó có nội dung thực hiện các cơ chế, chính sách.

- Về tổ chức kiểm tra, đánh giá và công nhận các xã, huyện đạt chuẩn NTM nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu:

Sau khi các huyện, thành phố, thị xã có đề xuất đánh giá, thẩm định, các sở, ngành đã khẩn trương tổ chức đánh giá thẩm định, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh. Tuy nhiên việc tổ chức kiểm tra, đánh giá, thẩm định và công nhận các xã chậm do một số nguyên nhân khách quan và chủ quan sau:

+ Về nguyên nhân khách quan:

Một số tiêu chí, chỉ tiêu theo quy định trong các Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 yêu cầu cao, khó thực hiện như: tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch tập trung, tỷ lệ hỏa táng, mã số vùng trồng, thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm, số khám bệnh điện tử, khám chữa bệnh từ xa,... do đó các xã cần thời gian và kế cả nguồn lực để tổ chức thực hiện đạt tiêu chí; Một số chỉ tiêu các sở, ngành chưa có cơ sở để đánh giá, thẩm định do Bộ, ngành chưa có hướng dẫn.

+ Nguyên nhân chủ quan:

Quá trình thẩm định của các sở, ngành thẩm định nhiều xã còn một số tiêu chí chưa đảm bảo đạt chuẩn theo quy định nhất là tiêu chí môi trường (như các chỉ tiêu: tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch tập trung, tỷ lệ hỏa táng; xử lý rác thải...), tổ chức sản xuất – phát triển kinh tế nông thôn..., do đó cấp huyện đề xuất với các sở, ngành cho các xã thời gian để khắc phục, hoàn thành và kiểm tra lại nên các sở, ngành chậm báo cáo kết quả về cơ quan thường trực để tổng hợp tham mưu UBND tỉnh.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số xã và huyện trong bổ sung, khắc phục, hoàn thiện một số nội dung, chỉ tiêu chưa đạt tiến độ còn chậm, việc hoàn chỉnh hồ sơ trình tỉnh thẩm tra, đề nghị, xét, công nhận chưa kịp thời.

3. Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thời gian tới:

Thời gian tới, để đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình nông thôn mới,

khắc phục các tồn tại hạn chế nêu trên, cần tập trung thực hiện một số giải pháp chủ yếu sau:

3.1. Ban chỉ đạo, UBND tỉnh xác định xây dựng NTM là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục của cả hệ thống chính trị, cần phải thay đổi tư duy, cách làm về xây dựng NTM trong giai đoạn mới; xây dựng NTM phải ngày càng đi vào chiều sâu, thực chất, hiệu quả và bền vững. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện phấn đấu đến năm 2024 được Thủ tướng Chính phủ công nhận tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới làm tiền đề để tổng kết đánh giá các chỉ tiêu, tiêu chí tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2025 (theo Quyết định số 3004/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 1754/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2025; Thông báo số 142/TB-UBND ngày 21/4/2023 của UBND tỉnh về Kết luận của đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng BCĐ các Chương trình MTQG và xây dựng đô thị văn minh tại Hội nghị đánh giá giữa kỳ thực hiện Đề án thí điểm xây dựng tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025...).

3.2. Các huyện, thành phố, thị xã tập trung cao lãnh đạo, chỉ đạo các xã căn cứ Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn NTM giai đoạn 2022- 2025 rà soát, đánh giá lại mức độ đạt chuẩn NTM, xây dựng lộ trình, kế hoạch và phân công, gắn trách nhiệm cho từng đồng chí cụ thể; tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo đến ngày 31/12/2023 có 100% số xã đảm bảo đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn NTM giai đoạn 2022- 2025. Tập trung chỉ đạo các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới, chuyển mạnh sang xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; phấn đấu đến cuối năm 2025 có tối thiểu 50% số xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 10% số xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu.

3.3. Các huyện, thành phố, thị xã căn cứ Bộ tiêu chí huyện NTM/thành phố thị xã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2022-2025 thực hiện trên địa bàn tỉnh (theo Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh) tổ chức rà soát, đánh giá lại mức độ đạt chuẩn, xây dựng kế hoạch, lộ trình cụ thể và tổ chức thực hiện đảm bảo đạt các mục tiêu theo Đề án tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới, phấn đấu đến ngày 31/12/2023 các huyện, thành phố đã được công nhận đạt chuẩn NTM/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM phải cập nhật, nâng cấp đảm bảo đạt chuẩn các tiêu chí theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2022-2025.

Các huyện: Lộc Hà, Kỳ Anh đạt chuẩn NTM và thị xã Kỳ Anh hoàn thành nhiệm vụ NTM trong năm 2023; huyện Hương Khê đạt chuẩn NTM và thị xã Hồng Lĩnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM trong năm 2024; các huyện Thạch Hà, Đức Thọ, Can Lộc đạt chuẩn NTM nâng cao và huyện Nghi Xuân đạt chuẩn NTM kiểu mẫu điển hình về văn hóa, gắn với phát triển du lịch trong năm 2025. Gắn trách nhiệm cụ thể theo từng nội dung, tiêu chí, địa bàn cho từng đồng chí trong BTV Huyện ủy, các phòng ban cấp huyện, định kỳ đánh giá kết quả. Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn các xã; ưu tiên nguồn lực triển khai thực hiện Chương trình, hấp thu tốt các cơ chế, chính sách tạo nguồn lực xây dựng tỉnh đạt chuẩn NTM tại Nghị quyết số 44/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021.

3.4. Huyện Hương Khê tập trung cao lãnh đạo, chỉ đạo và ưu tiên bố trí nguồn lực cho các xã chưa đạt chuẩn; gắn trách nhiệm với người đứng đầu địa phương; phối hợp tốt với các đơn vị đỡ đầu, tài trợ;... Có giải pháp khả thi đối với một số nội dung,

tiêu chí khó, như: đường giao thông; tỷ lệ lao động qua đào tạo; trường học; thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn; môi trường; Khu dân cư đạt chuẩn.

3.5. Ban Chỉ đạo tỉnh, UBND tỉnh sẽ tăng cường công tác kiểm tra, giám sát công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện Chương trình, Đề án xây dựng tỉnh đạt chuẩn NTM, kịp thời nắm bắt, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh tiếp tục làm tốt công tác tham mưu Ban Chỉ đạo tỉnh, UBND tỉnh trong quản lý, điều hành thực hiện Chương trình nông thôn mới.

3.6. Gắn kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới với công tác đánh giá, xếp loại các tổ chức, cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ hằng năm.

3.7. Chỉ đạo các sở, ngành tăng cường công tác chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các địa phương tổ chức thực hiện đồng bộ tất cả các chỉ tiêu, tiêu chí đảm bảo phát triển một cách toàn diện. Kết nối với các bộ, ngành trung ương để đề nghị hỗ trợ nguồn lực, triển khai thực hiện các mô hình thí điểm theo Đề án tỉnh đạt chuẩn NTM.

3.8. Kiện toàn hệ thống Văn phòng Điều phối NTM các cấp đảm bảo đồng bộ, thống nhất về vị trí, chức năng, nhiệm vụ; đảm bảo chuyên trách, chuyên nghiệp, ổn định, bền vững nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành, quản lý thực hiện chương trình.

3.9. Các sở: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các sở, ngành liên quan, UBND cấp huyện căn cứ quy định, hướng dẫn của Trung ương (đã được ban hành khá đầy đủ) chủ động tham mưu phân bổ trí vốn kịp thời sau khi có thông báo vốn của Trung ương; tăng cường việc chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các địa phương chủ động xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện hiệu quả các cơ chế chính sách; tổng hợp kết quả thực hiện để tham mưu bố trí kinh phí thực hiện chính sách kịp thời cho các đối tượng.

3.10. Trong thời gian tới việc thẩm định, bỏ phiếu xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu sẽ tiến hành 2 đợt trong năm (6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm); yêu cầu các huyện, thành phố, thị xã chỉ đạo các xã tập trung thực hiện hoàn thành các tiêu chí và hoàn thiện hồ sơ cấp xã, cấp huyện đảm bảo yêu cầu và trình tỉnh thẩm định, xét công nhận cùng một thời điểm; Đối với các xã khi thẩm định đợt 1 (6 tháng đầu năm) chưa đảm bảo yêu cầu thì tự tổ chức thực hiện, hoàn thiện các nội dung, yêu cầu và trình thẩm định vào đợt 2 (6 tháng cuối năm); các sở, ngành không tổ chức thẩm định lại. Đối với đã đề xuất xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu năm 2023, UBND đã có lịch bỏ phiếu xét công nhận đợt 1 trong tháng 7/2023, đợt 2 sẽ tiến hành bỏ phiếu trong tháng 12/2023.

Nội dung 2: Thời gian qua, việc xây dựng các mô hình nông nghiệp theo hướng hữu cơ bước đầu đã mang lại hiệu quả, được nông dân tại một số địa phương tích cực hưởng ứng. Tuy nhiên, các mô hình chủ yếu ở quy mô nhỏ, phân tán. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh cho biết giải pháp thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo hướng hữu cơ thời gian tới.

Trả lời:

1. Kết quả xây dựng các mô hình nông nghiệp hữu cơ:

Thời gian qua, tỉnh ta luôn quan tâm cao, chỉ đạo lồng ghép các chương trình,

cơ chế, chính sách, giải pháp thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn, đạt chứng nhận chất lượng, an toàn thực phẩm (như VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ...). Triển khai Kế hoạch Cơ cấu lại ngành nông nghiệp và thực hiện Nghị định số 109/2021/NĐ-CP của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ, Quyết định 885/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020-2030, UBND tỉnh đã chỉ đạo ngành nông nghiệp và PTNT phối hợp các địa phương, đơn vị xây dựng, phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ. Bước đầu đã đạt được một số kết quả đáng ghi nhận, được người dân đồng thuận ủng hộ, chính quyền địa phương và các doanh nghiệp vào cuộc (như các mô hình liên kết với Tập đoàn Quế Lâm, ngành Nông nghiệp, Hội nông dân và một số doanh nghiệp khác), kết quả cụ thể trên một số lĩnh vực như sau:

- Lĩnh vực Trồng trọt: hình thành khá nhiều mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ, trên các đối tượng sản phẩm là lúa gạo, cam, bưởi Phúc Trạch,... Tổng diện tích sản xuất hữu cơ trên địa bàn đạt trên 201 ha, trong đó ngành Nông nghiệp, hội nông dân, các tổ chức, doanh nghiệp khác và người dân tự sản xuất hơn 101 ha, liên kết với Tập đoàn Quế Lâm 100 ha. Nhìn chung, các loại cây trồng sinh trưởng tốt, khỏe, năng suất đạt khá.

- Lĩnh vực Chăn nuôi: Hiện tại, trên địa bàn toàn tỉnh có 11 mô hình chăn nuôi lợn với tổng đàn là 70 nái, 1.400 lợn thịt theo hướng hữu cơ liên kết với Tập đoàn Quế Lâm (tại 06 huyện: Can Lộc 03 mô hình, Hương Sơn 01 mô hình, Cẩm Xuyên 02 mô hình, Vũ Quang 03 mô hình, Lộc Hà 01 mô hình, Kỳ Anh 01 mô hình); 05 hộ (Cẩm Xuyên 03 hộ, Can Lộc 01 hộ, Vũ Quang 01 hộ) làm dịch vụ tiêu thụ thịt lợn/sơ chế, chế biến thịt lợn hữu cơ giò, chả...

Bước đầu cho thấy, đàn lợn phát triển khá tốt; các hộ chăn nuôi đều có vườn rau, trồng chuối và trồng cây thảo mộc; gắn kết chăn nuôi với trồng trọt tạo ra các mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ, tuần hoàn; liên kết trồng 02 ha đậu tương phục vụ nguyên liệu cho chăn nuôi hữu cơ. Các mô hình chăn nuôi đã cung cấp cho người dân những phương thức chăn nuôi mới. Giúp cho người chăn nuôi hiểu hơn về cách chăn nuôi hữu cơ, liên kết sản xuất ra sản phẩm an toàn, nâng cao thu nhập.

Bên cạnh các mô hình chăn nuôi liên kết với Tập đoàn Quế Lâm, năm 2023 Trung tâm khuyến nông tỉnh triển khai xây dựng mô hình chăn nuôi lợn thịt theo hướng tuần hoàn, đạt tiêu chuẩn VietGAHP quy mô 50 con với 05 hộ tham gia tại xã Thạch Đài, huyện Thạch Hà.

2. Mặc dù đạt những kết quả bước đầu khá tích cực, quá trình triển khai thực hiện các mô hình nông nghiệp hữu cơ đang gặp khó khăn, thách thức:

- Quy mô còn nhỏ lẻ, phân tán, chưa phát triển thành hàng hóa lớn; việc nhân rộng mô hình đang gặp nhiều khó khăn, rủi ro thất bại do các đối tượng sâu, bệnh cao; nhóm cỏ dại lá rộng trên đồng ruộng nhiều; nguồn giống phục vụ sản xuất nông nghiệp hữu cơ hạn chế;

- Các mô hình sản xuất chủ yếu đang theo hướng hữu cơ, phần lớn chưa được chứng nhận đạt tiêu chuẩn hữu cơ;

- Sản phẩm đầu ra chưa ổn định, giá cả chưa tương xứng với chi phí đầu tư; người tiêu dùng chưa tin tưởng và khó phân biệt giữa sản phẩm sản xuất hữu cơ và các sản phẩm thông thường khác;

- Cơ chế, chính sách hiện tại (Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND, Nghị quyết số 78/2022/NQ-HĐND) đang chủ yếu hỗ trợ sản xuất.

3. Nguyên nhân

3.1. Nguyên nhân khách quan

- Chưa có các doanh nghiệp đầu kéo đủ mạnh, liên kết giữa doanh nghiệp với người sản xuất còn lỏng lẻo nên chưa hình thành được chuỗi cung ứng từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ bền vững, hiệu quả chưa cao. Liên kết chỉ mới tập trung vào cung ứng vật tư đầu vào, kỹ thuật chăm sóc mà chưa chú trọng vào bao tiêu sản phẩm.

- Sản xuất nông nghiệp hữu cơ đòi hỏi phải có thời gian dài cho quá trình chuẩn bị các điều kiện (chuyển đổi đất) đáp ứng yêu cầu của sản xuất; quy trình sản xuất nghiêm ngặt, khó áp dụng, chi phí sản xuất bước đầu cao và chưa chủ động nguồn cung ứng vật tư đầu vào (phân bón, chế phẩm sinh học, thuốc BVTV hữu cơ, thức ăn chăn nuôi,...) trong khi năng suất không thể cao hơn sản xuất vô cơ nên người dân chưa mặn mà hưởng ứng.

- Điều kiện thời tiết, khí hậu tỉnh ta khá khắc nghiệt nên khó khăn trong việc nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

- Công tác tuyên truyền, định hướng sản xuất nông nghiệp hữu cơ còn hạn chế, chưa đủ sâu rộng đến các đối tượng có liên quan nên người dân tiếp cận với phương thức sản xuất mới còn dè dặt, e ngại. Ngay cả nhà quản lý và người tiêu dùng cũng chưa nhận thức hết được vai trò của sản xuất nông nghiệp hữu cơ nên chưa khuyến khích phát triển và nhân rộng.

- Sự vào cuộc của chính quyền các địa phương chưa quyết liệt nên các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ ở nhiều địa phương vẫn còn khiêm tốn.

- Cơ chế chính sách, nguồn lực đầu tư chưa đủ mạnh để thúc đẩy các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ quy mô lớn, tập trung theo chuỗi từ sản xuất đến tiêu thụ, mà hiện tại chỉ mới phát triển các mô hình quy mô nhỏ, có liên kết với một số doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, chưa tương xứng với tiềm năng lợi thế của tỉnh.

- Chưa có Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ theo quy định tại Nghị định số 109/2021/NĐ-CP, Quyết định 885/QĐ-TTg nên chưa có giải pháp đồng bộ để phát triển.

4. Định hướng, giải pháp phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn trong thời gian tới:

Nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn là xu hướng phát triển tất yếu của phát triển nông nghiệp bền vững. Đối với tỉnh ta, định hướng trong thời gian tới theo Chương trình hành động số 16-CTr/TU của Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của BCH Trung ương Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045 đã xác định “Tiếp tục triển khai Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020-2030; đẩy mạnh xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp xanh, thông minh... để đánh giá và triển khai nhân ra diện rộng”. Đến thời điểm hiện tại, UBND tỉnh đã giao Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (tại Văn bản số 2986/UBND-NL₅ ngày 13/6/2023). Để phát triển nông nghiệp hữu cơ, trong thời gian tới cần tập trung triển khai các giải pháp cụ thể sau:

- Chỉ đạo nhân rộng và tổ chức sơ kết đánh giá các mô hình, chuỗi liên kết nông nghiệp theo hướng hữu cơ, tuần hoàn hiện có; xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể triển khai các nội dung hợp tác với các tổ chức, cá nhân. Đánh giá lại quy trình sản xuất

thực tiễn đối với các sản phẩm hữu cơ của các doanh nghiệp trên đầy đủ các phương diện: quản lý, chất lượng, thương mại sản phẩm, ... đặc biệt là các mô hình sản xuất hữu cơ có liên kết với tập đoàn Quế Lâm và các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện sản xuất nông nghiệp hữu cơ để từ đó nghiên cứu đề xuất, giải pháp phù hợp nhằm phát triển các mô hình liên kết sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

- Mở rộng quy mô, triển khai thực hiện các mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ đạt tiêu chuẩn hữu cơ trên cơ sở lựa chọn một số sản phẩm chủ lực của Hà Tĩnh như lợn, lúa, cam, bưởi, hươu, rau củ quả; thực hiện chuyển đổi số gắn với truy xuất nguồn gốc, thương hiệu sản phẩm.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về sản xuất nông nghiệp hữu cơ đảm bảo thống nhất, phối hợp giữa các lực lượng, các ngành và địa phương theo phân công, phân cấp của UBND tỉnh. Trong đó chú trọng, quản lý chặt chẽ vật tư đầu vào được sử dụng trong sản xuất hữu cơ: phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, chất bảo quản, chất phụ gia, nguồn nước tưới, quy trình canh tác... Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm hữu cơ để đảm bảo chất lượng sản phẩm phù hợp với tiêu chuẩn đã được chứng nhận khi lưu thông trên thị trường.

- Điều tra khảo sát, lựa chọn các vùng có điều kiện đất đai, khí hậu phù hợp đối với mỗi loại cây trồng, vật nuôi để sản xuất hữu cơ; ưu tiên lựa chọn bộ giống cây trồng, vật nuôi thích ứng tốt với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng, chống chịu sâu hại, dịch bệnh.

- Rà soát lại để có quy hoạch tổng thể, quy hoạch sản xuất theo hướng tập trung tạo vùng nguyên liệu, sản phẩm và đáp ứng các điều kiện để sản xuất nông nghiệp hữu cơ. Trên cơ sở đó xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp hữu cơ hàng hóa như đảm bảo nguồn nước tưới tiêu, giao thông, nguồn điện, hệ thống thu gom rác thải...

- Thu hút, khuyến khích các doanh nghiệp, HTX trong và ngoài tỉnh đầu tư sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ; hình thành doanh nghiệp có vai trò đầu tàu về việc ứng dụng những mô hình sản xuất đạt tiêu chuẩn hữu cơ, chuyển giao công nghệ, kỹ thuật sản xuất đến các trang trại, hợp tác xã và hộ gia đình; đồng thời là đơn vị thu mua, bao tiêu, sơ chế, chế biến nâng cao giá trị gia tăng, khép kín chuỗi sản xuất nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn. Ưu tiên các hình thức sản xuất có quy mô khá với các chủ thể là tổ hợp tác, hợp tác xã và doanh nghiệp.

- Xây dựng, phát triển hệ thống cửa hàng giới thiệu và bán, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, sản phẩm đặc sản của Hà Tĩnh; tổ chức xây dựng và chứng nhận các chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn, thực phẩm hữu cơ gắn với truy xuất và minh bạch nguồn gốc sản phẩm; tuyên truyền, quảng bá, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hợp tác sản xuất trên địa bàn tỉnh.

* Các nội dung, giải pháp, chính sách cụ thể lâu dài sẽ được nghiên cứu, xây dựng trong Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Nội dung 3: Hiện nay một số sản phẩm OCOP chỉ đại diện cho một hộ hay một nhóm hộ; tính chất liên thông, liên kết trong sản xuất, kinh doanh, trong quảng bá, xúc tiến thương mại còn hạn chế. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh cho biết giải pháp nâng cao hiệu quả, tính thực tiễn của chương trình này trong thời gian tới?

Trả lời:

1. Trong thời gian vừa qua, UBND tỉnh, các Sở, ngành và chính quyền các địa phương đã tập trung chỉ đạo quyết liệt trong triển khai Chương trình Mỗi xã một sản

phẩm (OCOP), quá trình thực hiện đã ban hành kế hoạch¹, hướng dẫn phù hợp theo đúng quy định của Chính phủ và văn bản hướng dẫn của các Bộ ngành Trung ương, bước đầu đã đạt được một số kết quả nhất định. Tuy vậy, đây là Chương trình mới và triển khai giai đoạn đầu nên quá trình thực hiện vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như Cử tri đã nêu, cụ thể đó là:

- Quy mô sản xuất của một số sản phẩm còn nhỏ; chưa có sản phẩm quy mô lớn mang thương hiệu tập thể, thương hiệu vùng;

- Việc tổ chức liên kết giữa các sản phẩm cùng chủng loại chưa nhiều; nhiều sản phẩm chưa hình thành được chuỗi liên kết sản xuất gắn với vùng nguyên liệu tập trung; một số cơ sở đã hình thành việc liên kết giữa các khâu nhưng chưa thực sự chặt chẽ;

- Sản phẩm tham gia Chương trình OCOP chưa đa dạng, phong phú; sản phẩm chế biến, chế biến sâu chưa nhiều;

- Việc quảng bá, xúc tiến thương mại chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là trên các mạng xã hội, sàn thương mại điện tử;

- Chưa có sản phẩm đạt chuẩn OCOP 5 sao.

*** Nguyên nhân:**

- Đây là Chương trình mới, việc phát triển phải hình thành từ nhỏ phát triển lên (phát triển từ 3 sao lên 4 sao, lên 5 sao).

- Năng lực, trình độ, nhận thức các chủ cơ sở sản xuất OCOP còn hạn chế, nhất là về quản trị doanh nghiệp, thiếu kiến thức thị trường do vậy chưa đủ khả năng để tổ chức liên kết sản xuất quy mô lớn.

- Tiềm lực sản xuất của các cơ sở còn hạn chế nên chưa đủ khả năng để mở rộng sản xuất, đầu tư quy mô lớn.

- Hiện nay việc tổ chức sản xuất của các cơ sở chủ yếu tại hộ gia đình, chưa hình thành được các khu, cụm, vùng sản xuất tập trung cấp xã để các cơ sở đầu tư sản xuất.

- Việc thuê đất để mở rộng quy mô sản xuất còn gặp nhiều khó khăn.

2. Qua gần 4 năm thực hiện Chương trình, dù mới là kết quả bước đầu, nhưng có thể khẳng định Chương trình có ý nghĩa rất lớn trong phát triển kinh tế nông thôn, tạo sinh kế cho người dân. Đến nay, đã công nhận 287 sản phẩm OCOP, với 219 cơ sở (cả nước đã công nhận trên 10.000 sản phẩm với hơn 6000 chủ thể, Hà Nội đã công nhận 2.167 sản phẩm, Nghệ An đã công nhận 403 sản phẩm OCOP); các sản phẩm OCOP sau khi tham gia Chương trình doanh thu bán hàng đều tăng, bình quân tăng 40% so với trước khi tham gia Chương trình, cá biệt có những sản phẩm doanh thu tăng nhiều lần như: Nước mắm Phú Khương, Nước mắm Luận nghiệp, Mật ong Cường Nga, Rượu nhung Hươu Hiền Ngọc, nem chua Ý Bình... Các cơ sở OCOP đã tạo việc làm cho hơn 2000 lao động trực tiếp với mức lương 4-6 triệu đồng/tháng và tạo việc làm cho hàng ngàn lao động gián tiếp. Công tác xúc tiến thương mại được tăng cường qua nhiều kênh, như: truyền hình, các nền tảng mạng xã hội, tham gia các hội chợ, sự kiện,... từ đó thị trường tiêu thụ của các sản phẩm OCOP ngày càng được mở rộng, một số sản phẩm trước đây chỉ bán trong xã, trong huyện hiện đã tiêu thụ tại nhiều tỉnh, thành trong cả nước và đã có 6 sản phẩm xuất khẩu: Bánh ram Anh Thu (Hàn Quốc), bánh ram Nam Chi (Hàn Quốc), Cu đơ Bà Hường (Newzealand), Bánh đa vùng Nguyên Lâm (Nga, Nhật Bản), Sứa Mai Dung (Nhật Bản), Nước mắm Luận Nghiệp (Nga và hiện nay đang hoàn thiện hồ sơ để xuất khẩu sang Úc).

¹ Kế hoạch số 203/KH-UBND ngày 01/6/2023 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm tỉnh giai đoạn 2023-2025

3. Để nâng cao hiệu quả, tính thực tiễn của Chương trình Mỗi xã một sản phẩm trong thời gian tới, bên cạnh việc phát huy những kết quả đạt được và khắc phục những tồn tại, hạn chế thì cần tập trung một số giải pháp trọng tâm sau:

- Trước hết, tập trung chỉ đạo tổ chức thực hiện đúng các quy định, hướng dẫn của Trung ương (như Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng về phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025 và Quyết định số 148/QĐ-TT ngày 24/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ Tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm,...) và phù hợp với điều kiện, yêu cầu thực tiễn trên địa bàn tỉnh đảm bảo kịp thời, hiệu quả.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, đào tạo, tập huấn để nâng cao nhận thức cho các chủ thể OCOP, nhất là kiến thức về quản trị doanh nghiệp, xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu sản phẩm...

- Chỉ đạo các địa phương ưu tiên, hỗ trợ các cơ sở OCOP có khả năng phát triển, nhất là ưu tiên bố trí đất đai để các cơ sở mở rộng quy mô sản xuất; hình thành các vùng nguyên liệu ổn định để phục vụ sản xuất, chế biến sản phẩm OCOP.

- Tổ chức liên kết sản xuất giữa các cơ sở OCOP có sản phẩm cùng loại, có tiềm năng lớn để dần hình thành và xây dựng thương hiệu lớn, thương hiệu tập thể.

- Rà soát, lựa chọn một số sản phẩm tiêu biểu, lợi thế của tỉnh để củng cố, nâng hạng sao và phát triển sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP 5 sao, như: Nhung Hương Hương Sơn, Trầm hương Phúc Trạch...

- Tăng cường kiểm tra, giám sát chất lượng, quy trình sản xuất, chế biến gắn với truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, nhất là xúc tiến thương mại trên các nền tảng số, sàn giao dịch thương mại điện tử, như: Lazada, Shopee, Voso...; kết nối đưa sản phẩm OCOP Hà Tĩnh vào quảng bá, giới thiệu và bán tại các trung tâm OCOP, các khu, điểm du lịch...

- Hiện nay, theo quy định của Thủ tướng Chính phủ việc đánh giá và công nhận sản phẩm OCOP 3 sao thuộc thẩm quyền cấp huyện và theo quy định của Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao để đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao phải có tối thiểu 01 sản phẩm đạt chuẩn OCOP. Để công nhận sản phẩm OCOP đảm bảo đúng quy định và thực chất, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Văn bản số 1592/UBND-NL5 ngày 05/4/2023 chỉ đạo các huyện, thành phố, thị xã đánh giá sản phẩm OCOP chặt chẽ, khách quan theo đúng quy định của Chương trình, tuyệt đối không chạy theo thành tích, không vì mục tiêu xã nông thôn mới để công nhận sản phẩm không đảm bảo.

Nội dung 4: Giá thịt gia súc, gia cầm trên thị trường hiện còn ở mức thấp trong khi chi phí chăn nuôi cao, gây không ít khó khăn cho nhiều trang trại, gia trại, hộ chăn nuôi nhỏ lẻ. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh cho biết giải pháp để giúp người chăn nuôi vượt qua khó khăn hiện nay.

Trả lời:

1. Từ đầu năm 2023 đến nay, tình hình chăn nuôi cả nước nói chung và trên địa bàn tỉnh ta nói riêng gặp nhiều khó khăn, thách thức do chịu tác động lớn từ suy thoái kinh tế sau dịch Covid -19, thị trường tiêu thụ không ổn định, chi phí các loại vật tư đầu vào như thức ăn chăn nuôi, vắc xin, thuốc thú y tăng, giá bán các sản phẩm chăn nuôi thấp nên người chăn nuôi gặp nhiều khó khăn.

- Tình hình giá vật tư đầu vào: Trong 6 tháng đầu năm mặc dù giá thức ăn chăn nuôi đã điều chỉnh giảm 03 lần tương đương giảm khoảng 600-1.200 đồng/kg, nhưng

so với năm 2021 (thời điểm trước khi tăng) giá thức ăn chăn nuôi vẫn cao hơn 30-35%, giá vắc xin, thuốc thú y cao hơn 15-20%; bên cạnh đó, các chi phí sản xuất như: giá thuê nhân công, đầu tư an toàn sinh học, phòng dịch bệnh, xăng dầu... đều tăng nên giá thành sản phẩm chăn nuôi tăng cao.

- Giá bán các sản phẩm chăn nuôi: Từ đầu tháng 5/2023 giá các sản phẩm chăn nuôi bắt đầu tăng so với 04 tháng đầu năm (giá lợn hơi hiện dao động 62-65 ngàn đồng/kg tăng 16.000 đồng/kg so với thời điểm thấp nhất tháng 3/2023, giá bò hơi dao động 78-83 ngàn đồng/kg tăng 05-7 ngàn đồng/kg; giá gà lông màu nuôi công nghiệp 48-52 ngàn đồng/kg) là tín hiệu tốt để người chăn nuôi yên tâm sản xuất.

2. Trước tình hình đó, để giúp người dân giảm bớt khó khăn, ổn định sản xuất chăn nuôi, thời gian qua các Bộ, ngành đã triển khai một số giải pháp, cụ thể như: Đề xuất Chính phủ giảm thuế nhập khẩu khô dầu Đậu tương làm nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi từ 2% xuống 0%, thuế nhập khẩu Lúa mì từ 3% xuống còn 0%, Ngô giảm từ 5% xuống còn 2%; giảm 50% mức phí thực hiện các Thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Chăn nuôi, Thú y; tăng cường kiểm soát tình trạng buôn bán nhập lậu gia súc, gia cầm và sản phẩm gia súc, gia cầm qua biên giới; tích cực đàm phán các Hiệp định xuất khẩu thịt gia súc, gia cầm và các sản phẩm chăn nuôi khác.

* Cùng với các Bộ, ngành trung ương, UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, Ngành, địa phương, hướng dẫn người chăn nuôi áp dụng các giải pháp để nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, ổn định sản xuất chăn nuôi:

- Tăng cường năng lực sản xuất giống tại chỗ, chọn lọc, quản lý, kiểm soát chất lượng giống; áp dụng các công thức phối trộn thức ăn phù hợp với từng đối tượng vật nuôi, loại hình chăn nuôi; nhân rộng mô hình thâm canh trồng cỏ, ngô sinh khối, chế biến thức ăn thô xanh, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn thức ăn sẵn có.

- Rà soát quy trình chăn nuôi, quy trình phòng, chống dịch bệnh, công tác quản lý để có sự điều chỉnh hợp lý nhằm giảm chi phí sản xuất, tăng hiệu quả chăn nuôi.

- Chủ động công tác giám sát, triển khai đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp phòng, chống nhằm bảo vệ tốt đàn vật nuôi.

* Đặc biệt, với sự chủ động, linh hoạt của người chăn nuôi thời gian qua đã góp phần giảm bớt khó khăn; 06 tháng đầu năm 2023, tình hình dịch bệnh trên đàn vật nuôi cơ bản được kiểm soát tốt, chỉ xảy ra nhỏ lẻ, ở diện hẹp, được khống chế kịp thời; sản xuất chăn nuôi vẫn được duy trì ổn định, chăn nuôi ở khu vực trang trại có tăng trưởng khá so với cùng kỳ năm 2022; cụ thể: Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt hơn 55.100 tấn (tăng gần 1.000 tấn so với cùng kỳ 2022), tăng trưởng chăn nuôi đạt hơn 1,8%.

Tổng đàn lợn hơn 390 ngàn con, đạt 102,7% KH, tăng 4,5%; tổng đàn trâu, bò duy trì 235 ngàn con; tổng đàn gia cầm duy trì gần 10 triệu con so với cùng kỳ năm 2022. Chăn nuôi tiếp tục phát triển theo hướng trang trại (chăn nuôi lợn trang trại chiếm 65% tổng đàn, chăn nuôi gia cầm trang trại chiếm 11% tổng đàn, chăn nuôi bò trang trại chiếm 10% tổng đàn), duy trì ổn định các chuỗi liên kết trong chăn nuôi.

3. Dự báo thời gian tới, chăn nuôi đang còn gặp nhiều khó khăn; để hỗ trợ người dân ổn định sản xuất chăn nuôi, Ủy ban nhân dân tỉnh giao các Sở, ngành tiếp tục đồng hành, hướng dẫn triển khai đồng bộ các giải pháp sau:

(1) Tiếp tục hướng dẫn người chăn nuôi áp dụng các quy trình sản xuất chăn nuôi, phòng chống dịch bệnh, công tác quản lý trang trại đảm bảo chăn nuôi an toàn, hiệu quả.

(2) Duy trì các chuỗi chăn nuôi liên kết với các tập đoàn, doanh nghiệp mạnh như Khoáng sản và Thương mại, C.P Việt Nam, Golden Star, Japfa, ...

(3) Tổng kết, đánh giá và nhân rộng các mô hình chăn nuôi theo hướng hữu cơ, tuần hoàn, chăn nuôi an toàn hiệu quả nhất là các mô hình liên kết triển khai theo quy trình chăn nuôi của Tập đoàn Quê lâm và các công ty, doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn sản xuất nông nghiệp tốt.

(4) Tăng cường quản lý về điều kiện chăn nuôi, bảo vệ môi trường; kiểm soát chất lượng, giá cả con giống, vật tư chăn nuôi.

(5) Thường xuyên theo dõi nắm bắt kịp thời diễn biến thị trường đầu vào, đầu ra sản phẩm chăn nuôi để khuyến cáo, hướng dẫn người chăn nuôi tổ chức sản xuất hiệu quả, bền vững.

(6) Tổ chức, triển khai Chiến lược phát triển chăn nuôi theo các Đề án của Trung ương và của Tỉnh:

- Khuyến khích, thu hút các tập đoàn, doanh nghiệp đầu tư vào chăn nuôi, nhất là đầu tư chăn nuôi quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, an toàn dịch bệnh, bảo vệ môi trường để làm đầu kéo cho các chuỗi liên kết trong chăn nuôi.

- Thực hiện có hiệu quả các chính sách của Tỉnh; triển khai xây dựng Đề án, chính sách phát triển Nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn.

- Đề xuất Chính phủ, các Bộ, ngành có chiến lược chủ động nguồn nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, vật tư thú y để giảm chi phí đầu vào từ đó giảm giá thành sản xuất, tăng sức cạnh tranh và hiệu quả cho người chăn nuôi; Kiểm soát tốt các sản phẩm chăn nuôi nhập khẩu từ nước ngoài; đồng thời, kịp thời sửa đổi, bổ sung các chính sách hỗ trợ đầu tư, phát triển chăn nuôi, phòng chống dịch, bệnh phù hợp, hiệu quả.

Trên đây là nội dung trả lời những câu hỏi chất vấn tại Kỳ họp thứ 14, HĐND tỉnh khóa XVIII, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách;
- Giám đốc, các Phó GD Sở;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Việt